

Số: ~~2530~~ /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt mức bình quân diện tích đất sản xuất; diện tích đất ở làm cơ sở để xác định hộ thiếu đất sản xuất, đất ở thực hiện Chính sách hỗ trợ theo Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định hạn mức giao đất ở; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức công nhận đất ở và hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 353/TTr-BDT ngày 12 tháng 7 năm 2017; của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3561/STNMT-CSĐĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất, đất ở cho mỗi hộ gia đình làm cơ sở để xác định hộ thiếu đất sản xuất, đất ở thực hiện Chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020, với nội dung như sau:

1. Đối với đất sản xuất:

- Mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình đối với 11 huyện miền núi là 2,417 ha/hộ.

- Mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình đối với các xã miền núi thuộc 07 huyện giáp ranh là 1,050 ha/hộ.

Trong đó: Đất sản xuất bao gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác.

2. Đối với đất ở: Mức bình quân diện tích là 400 m²/hộ đồng bào sống ở nông thôn, miền núi.

3. Xác định hộ thiếu đất: Là hộ có diện tích đất sản xuất, đất ở đang quản lý, sử dụng thấp hơn so với mức bình quân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND 11 huyện miền núi và UBND 07 huyện có xã miền núi, chủ động phối hợp với các Công ty Nông lâm nghiệp, các Ban Quản lý rừng phòng hộ đóng trên địa bàn của địa phương rà soát diện tích đất không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích; diện tích đất lấn, chiếm, cấp trùng; diện tích đất giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông, lâm nghiệp nhưng hộ gia đình, cá nhân đã tự ý xây dựng nhà trái phép; diện tích đất người dân đang sinh sống và sản xuất nguyên canh, nguyên cư, diện tích đất nông, lâm nghiệp manh mún, gần khu dân cư... Đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất, cấp cho các hộ thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng tại Quyết định 2085/QĐ-TTg theo định mức tại Điều 1, Quyết định này.

2. Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng chính sách xã hội; UBND 11 huyện miền núi, UBND 07 huyện có xã miền núi và các đơn vị có liên quan xây dựng Đề án thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg; xin ý kiến Ủy ban Dân tộc, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng chính sách xã hội; Chủ tịch UBND 11 huyện miền núi và 07 huyện có xã miền núi; Thủ trưởng các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

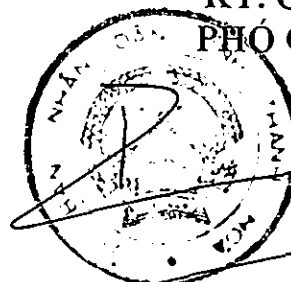
Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, VX.
- DTMN/2017/Ngọc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền